

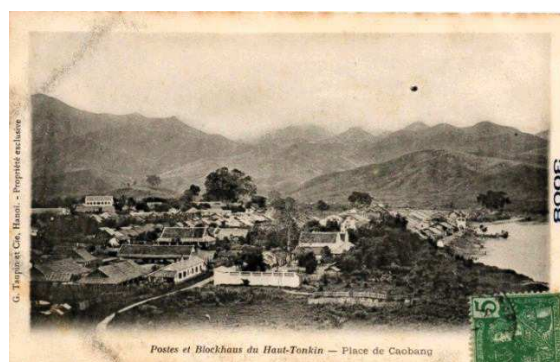
Kỷ niệm về Cao Bằng (1940-1944)

Đình Trọng Hiếu, JJR 1956



Tôi sinh ra ở Hòn Gai, Vịnh Hạ Long, đến năm 3 tuổi thì bố tôi được chuyển đổi lên Cao Bằng. Đây là dưới thời Pháp thuộc, hễ làm công chức thì cứ ba năm lại chuyển đi nơi khác, thoát đầu được bỏ ở những nơi xa, hẻo lánh, như Chợ Chu, Chợ Bờ, mà lắm khi chúng ta không biết đến cả tên, rồi dần dần mới được bỏ ở những nơi “quen thuộc” hơn, như Hưng Yên, Hòn-Gai, Cao Bằng. Cao Bằng tuy xa xôi, và gần biên giới Trung Quốc, nhưng khí hậu mát lành, lại có một vị trí chiến lược quan trọng, nên về sau nổi tiếng khi quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi nơi này. Nếu quý bạn lên Mạng tìm tên Cao Bằng, thì sẽ gặp vô số hồi ức về cái “RC 4” (Route Coloniale N° 4, Con đường Cái quan số 4, sau này đổi thành Quốc Lộ 3), nói về những chuyện xảy ra mười năm sau. Cho nên nếu có ai tìm thêm về đề tài trên, thì xin bỏ qua bài này, kéo mắt thì giờ.

Ngược lại, trong bài này, tôi muốn nhắc đến một vài kỷ niệm thời thơ ấu về cái tỉnh xa xăm mà ngày nay vẫn còn thu hút khá nhiều du khách, vì chung quanh có nhiều điểm du lịch trứ danh, như Hồ Ba Bể, Thác Bản Giốc, mà tại đây sẽ không nói tới. Tôi có người bạn thân, đầu năm nay dẫn bè bạn và gia đình về du lịch thăm Cao Bằng, nhân tiện tôi viết giòng này để bạn thấy sự cách biệt giữa Cao Bằng những năm 1940 và ngày nay. Những đổi thay như thế xảy ra khắp nơi trên thế giới, không có gì lạ.



Hình 1, 2, 3, 4. Cảnh quan gần Cao Bằng và giữa tỉnh lỵ khoảng đầu thế kỷ XX và hiện nay.

Cao Bằng là một thị trấn trù phú, từ thế kỷ XVI đã từng là “kinh đô” của nhà Mạc. Năm 1940, khi gia đình chúng tôi đến Cao Bằng thì đây là một tỉnh nhỏ xinh đẹp, trông gần gũi với chiếc bưu thiếp chụp vào đầu thế kỷ XX, chứ không loè loẹt như ngày nay. Cứ ra chợ những ngày “phiên” là nhan nhản những người mặc áo chàm mang đến vô số gà vịt, những bồ mọc nhĩ, nắm hương, những sọt măng, măng tươi, măng chua, măng khô, và cơ man những món hàng lạ mắt, lạ tai, lạ miệng. Phần lớn những người mặc áo chàm là người Thổ, họ đến từ những vùng lân cận, và nơi họ cư ngụ là những nhà sàn ở gần “bản”, nhà trên để người ở, dưới nuôi gia súc : trâu bò, lợn gà, tránh cho hùm beo khỏi đến cắn giết. Chúng tôi có dịp đến ở nhà sàn trong hơn một tháng trời, vào năm 1942, khi quân Nhật rục rịch “đổ bộ” vào Đông Dương, bố tôi bị trưng dụng làm bác sĩ quân y, và gia đình tất cả những người Kinh làm việc cho chính quyền Bảo hộ đều tạm “di tản” vào những làng hẻo lánh của người Thổ, hầu tránh nạn chiến tranh. Đời sống khác hẳn lối sống thị thành với mọi thứ tiện nghi, nhưng đã để lại cho chúng tôi nhiều ấn tượng khó quên : những buổi sáng với sương mù dày đặc kéo từ mồm núi này sang mồm núi khác, những buổi chiều nắng vàng làm tím cả một vùng đồi núi, từng đoàn người mặc áo lam lưng đeo gùi, tay chống gậy tạo ra một phong cảnh tuyệt vời mà có lẽ một ngày kia tôi sẽ vẽ lại...



Hình 5. Lưu Văn Sìn. Phong cảnh miền thượng du. Tranh sơn dầu. 1936. Viện Bảo tàng Mỹ thuật, Hà Nội.

Để ý kỹ một chút, giữa những người mặc áo lam tuyền, lại có những người mặc áo nền lam, mà ngực, cổ, lưng lảng những miếng bạc lớn, người nhà chúng tôi gọi họ là “Mán Tiên”, hoặc “Mán sơn đầu”, sau này từ “Mán” được coi là “miệt thị” bỏ không dùng nữa, và hơi ôi, dân tộc “Mán” cũng đã bị đồng hóa, khó lòng phân biệt được với những người khác ! Rất có thể vì đã từng sống như thế mà sau này, gần như một cách tự nhiên, tôi đã chọn ngành nghề nghiên cứu về “dân tộc học”... Không cần đi đâu xa, bố tôi những lúc nhàn rỗi thường dẫn tôi đến bờ sông Bằng Giang chảy dọc theo phố trước nhà và cách nhà chừng trăm mét, ở đấy, dọc theo sông, vô số thuyền nhỏ cắm sào, với những người chủ mặc áo đen, cài khuy vải, dáng vẻ sung túc. Họ là những chủ thuyền người Hoa, chuyên nuôi chim cốc và làm nghề dùng chim cốc (*cormoran*) đánh cá, vì thế họ cũng mặc áo quần màu đen như lông của đàn cốc đậu dọc theo mạn thuyền, thỉnh thoảng lại vươn mình đập đôi cánh cho mau khô nước. Đôi lúc, chủ thuyền lấy chiếc vòng bạc, đeo vào cổ con cốc, và ra lệnh. Tức thì con cốc được đeo vòng ở cổ như thế nhảy xuống giòng nước, nhẹ nhàng bơi, lặn, một lúc nhô lên, trong mỏ quặp một con cá lớn. Tức thì chủ thuyền gỡ cá ra, bỏ vào thùng

trên thuyền, và ném thưởng cho cóc một chú cá bống. Té ra, chiếc vòng bạc treo ở cổ đã khiến cóc không nuốt được con cá lớn : cá lớn này thuộc về phần chủ, và cóc được thưởng chú cá bống. Có ai đấy xấu miệng, bảo rằng: “Cóc một vằn với ngốc, ăn cá bống và để chủ cướp cá lớn của mình”... Thú thật, bố tôi chỉ bảo cho tôi thấy cử chỉ của chủ thuyền nuốt ve, âu yếm chim, không có vẻ gì là khai thác một cách tàn bạo sự lao động của loài cóc cả. Tuy thế, ai bịt miệng được thế gian, và cách đánh cá kiểu này đã để lại cho chúng ta một câu thành ngữ nổi tiếng : rõ thật là... công cóc ! Miền Nam Trung Quốc ngày nay, vẫn còn cảnh dùng cóc đánh cá như vậy, hấp dẫn từng đoàn du khách, riêng tôi thì chỉ sang trước cửa nhà ở Cao Bằng, là đã được xem cách đánh cá không mệt sức và khá nhàn tản này.



Hình 6, 7, 8. Ảnh gia đình và mốc thời gian. Hình bên trái : bố tôi chụp ảnh với chị tôi và tôi, khi ấy tôi bốn tuổi. Hình giữa, bố tôi và bạn đồng nghiệp bị trưng dụng khi quân Nhật đổ bộ vào Đông Dương, năm 1942 (hai bác Trương Cam Công, Nguyễn Tuấn Phát, bố tôi và tôi). Khi ấy tôi lên năm. Hình bên phải : bố tôi đứng trong vườn nhà với hai chị và tôi. Khi ấy tôi sáu tuổi.

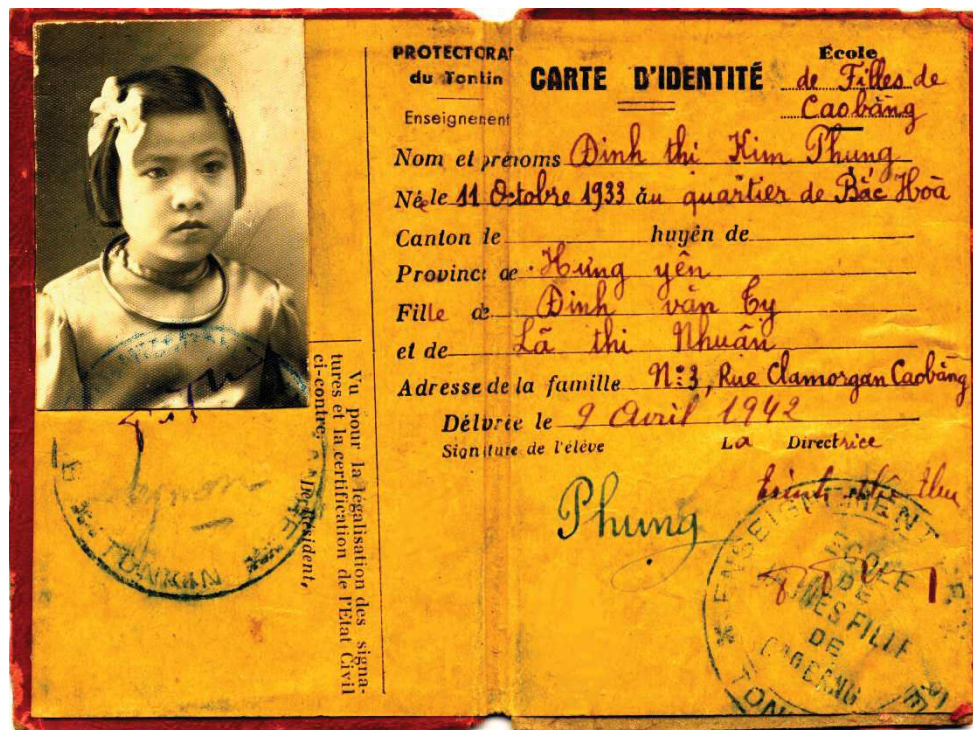
Kỷ ức về Cao Bằng nhiều vô kể. Khác với khi tôi mới đầy 3 tuổi : Hòn-Gai, Cẩm Phả, Hạ Long, không mấy may để lại một hình ảnh nào, toàn là những kỷ niệm tạo dựng, như có lần tôi thuật lại trong bài “Souvenirs de Hongay” :

http://aejrsite.free.fr/goodmorning/gm200/gm200_SouvenirsDeHongay.pdf.

Đến ở Cao Bằng vào cái tuổi lên bốn, lên năm, gần đến lên bảy, lúc ấy là tuổi mà trẻ nhỏ thích quan sát, tò mò, trí nhớ bắt đầu sung túc, lại có điều kiện sinh sống không phải lo âu, vườn nhà rộng lớn tha hồ chơi, nghịch, chạy nhảy. Có thể nói kiến thức của tôi về thiên nhiên bắt đầu từ đây. Chim vành khuyên, chim bạc má, chim gi sừng bay chuyền khắp vườn, đến rửa quả na, trái ổi vừa chín tới, không cần phải đi đâu, không cần lấy ống nhòm, cũng quan sát được. Gần mùa nhãn chín, mùa này đây (giữa tháng 6, và tháng 7), chim tu hú gọi, trẻ con chúng tôi hể nghe tiếng “Tu hú, tu hú” là kêu lên “Chú mày chết !” lắm khi đứng ngay dưới chỗ chim kêu, mà nó cũng chẳng sợ, thật khác với giống Coucou bên Pháp ít ai nhìn thấy được. Bố tôi bảo : tu hú kêu, là mùa nhãn chín, chim kêu nhiều là nhãn sai quả, nhưng nhãn sai quả thì nước sông lên cao, hay vỡ đê... Đồi mắt bố tôi mơ về vùng đồng bằng sông Hồng, nơi con người vật lộn với thiên nhiên. Còn ở Cao Bằng, đời sống xanh lam, bình thản. Mùa nhãn qua, mùa hồng đến, chim vàng oanh lấp ló trên cành, hót líu lo, thú thực, chưa bao giờ, chưa nơi nào, kể cả ở Việt Nam, mà tôi lại thấy nhiều chim lạ, và đẹp, như trong khu vườn nhà tôi ở Cao Bằng. Đêm đêm, lại còn chim hít cô..., người nhà nhại cách chim hú, có bài bản hẳn hoi, nhưng nghe rộn người : “Hà Giang nước độc, bắt cô trói cột...”. “Hà Giang nước độc, bắt cô trói cột...”, chim như dần từng tiếng, đe dọa.

Nhưng kỷ niệm trĩu nặng thời thơ ấu, của tôi cũng như của nhiều người, là kỷ niệm khi đến trường. Mới bốn tuổi, mẹ tôi kèm tôi ở nhà, nhưng tính tôi vốn lười, ham chạy nhảy, không thích học, nói chung : ghét học ! Một vài chữ viết tôi để lại từ thời ấy cho thấy những giò gà bới, lâu lắm sau này mới nắn nót, khác

hắn với chị tôi, hơn tôi 4 tuổi mà chữ viết thật đẹp, rõ ràng, không thiếu một dấu, không sai văn phạm, chữ Việt ra chữ Việt, chữ Pháp ra chữ Pháp.



Hình 9. Thẻ học sinh của chị tôi, năm 1942.

Nhìn thẻ học sinh này, thấy rõ một chuyện : ngôn ngữ dùng trên giấy tờ, công văn, thuở ấy là tiếng Pháp, dù trường (tiểu học) khi ấy là trường tiểu học Việt Nam, học tiếng Việt Nam, nhưng cũng phải thông thạo cách viết tiếng Pháp. Tôi còn thích thú tìm được số nhà khi ở Cao Bằng dạo ấy, tên phố là tên Pháp ("rue Clamorgan"), số 3 là số cạnh số 1, dinh tuần phủ, sau này trên hình ảnh những năm 1950 sẽ là "Poste de commandement" trước khi quân đội Pháp rút lui... Phía tay trái (từ nhà nhìn ra đường) còn một nhà khác, rồi đến con đường nhỏ, rồi đến chợ.

Khi lên năm, bố mẹ tôi cho đến trường cùng hai chị tôi, với vốn liếng học được ở nhà, tôi được vào thẳng lớp Tư (không phải học lớp Năm), nhưng vì tôi chưa đến tuổi được đi học, nên hễ cứ có thanh tra là tôi lại phải ở nhà, chạy chơi. Khi ấy, học những gì ? tôi không nhớ, và cũng không thiết nhớ, chỉ nhớ tên thầy giáo là "Thầy Phiên". Thầy dạy những gì ? Tôi nghe loáng thoáng thầy nói tiếng Việt, như kể truyện, vào tai này, ra tai kia. Tâm hồn thơ ấu của tôi được ru bằng lời thì thầm của hai cậu bạn ngồi hai bên, rì rào, rì rào, kể chuyện bắt dế, bẫy chim, ôi những chuyện thiên đường hạ giới của con trẻ. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng thầy Phiên quát. thầy bảo : nhắc lại lời thầy vừa nói ! Nhưng thầy vừa nói gì nhỉ ? Hai thằng bạn hai bên huých tay, nhưng tôi nhất định không biết thầy nói gì. Thầy gọi : "Lên đây". Ái chà, lên đến bàn của thầy, kê trên bục cao, thầy bắt chia tay đặt sấp trên bàn, rồi giơ thước kẻ giáng xuống một cú. Trời đất thiên địa ơi là đau. Nhưng chứng nào tật nấy, lời thầy vẫn chui vào tai này lọt qua tai kia, và chảy vào quặng hư vô tột cùng của trời đất. Thầy lại vờ lên bàn của thầy, lại chia tay ra, lần này thầy giáng thước kẻ với hết sức bình sinh, thú thật, sợ thầy cũng sợ, nhưng còn sợ đòn đau gấp bội : khi thước kẻ giáng xuống, bản năng khiến tôi rút tay lại, thước kẻ kêu cái cốp và gãy đôi trên bàn. Cả lớp cười ồ. Nhưng chỉ trong nháy mắt, im phăng phắc, nghe được tiếng ruồi bay : sau phút vui, cơn bão tố. Thầy bắt chụm ngón tay lại rồi lấy chiếc thước khác, vụt lấy vụt để. Kỷ niệm mấy năm nhà trường tiểu học vốn vẹn có thế. Tôi không học được gì, tiếng tây cũng như tiếng ta. Về nhà, mẹ tôi dạy "Bản cửu chương", vừa hát vừa học, ê a : "Một với một là hai, hai với một là ba...". Năm sau, mẹ tôi cho lên lớp, lại ê a : "Hai lần một là hai, hai lần hai là bốn..." Học với mẹ tôi thì không bị vụt thước kẻ, nhưng mẹ tôi rất nghiêm, tôi ngồi giữa, sách để trên bàn, mẹ tôi ngồi

đan một bên, chỉ hai ngòai đan một bên, hể tôi ghé mắt nhìn về bên nào là bị kim đan đâm vào tay bên ấy, thật đúng là ngòai tù, không nhúc nhích, và đúng đi học là bị đi đày, bị tra tấn. Điều này khiến tôi, sau này, khi được vào học ở những trường mà bà giáo, thầy giáo, ân cần giảng giải, tâm hồn như chết đi sống lại, hàng chục năm sau, nhớ ơn thầy và cô, còn rơi nước mắt.



Lễ chào cờ buổi sáng thứ hai
trường trung học, tiểu học
ở Cao Bằng những năm
1940-1944.

Hình 10. Lễ chào cờ buổi sáng thứ hai ở trường học Cao Bằng (trung học và tiểu học), những năm 1940-1944.

Kỷ niệm trường học ở Cao Bằng, tôi nhớ nhất, là những sáng thứ hai, trước khi vào lớp học, tất cả các học sinh tề tựu trong sân trường, chia nhau đứng thành từng lớp, cứ lớp lớn thì đứng trước, rồi kế đến những lớp sau, con trai đứng một bên, con gái đứng một bên, nhưng phía con gái thì chừng hai chục người là nhiều. Tất cả mặc đồng phục, con trai mặc quần soóc xanh lơ, sơ-mi trắng, cổ bẻ, trang nghiêm, không xóc xếch. Con gái mặc áo dài, hay áo cộc trắng, quần trắng, tóc xõa vai, hoặc cắt kiểu “Nhật Bản”. Không ai trò chuyện. Đứng nghiêm. Một anh con trai kéo cờ tam tài, một chị áo trắng (đôi khi là chị lớn của tôi) kéo cờ Việt Nam. Thầy hô một tiếng, cờ kéo lên, nhưng chỉ kéo cờ tam tài, khi cờ tam tài đã lên chót đỉnh, lúc ấy mới kéo cờ Việt Nam. Cờ tam tài thì từ Cách mạng Pháp (1789) chưa thay đổi. Còn cờ Việt Nam, lúc ấy, giữa nền vàng là một dải đỏ, bố tôi cắt nghĩa : người mình da vàng, máu đỏ, và đất nước mình chỉ là một. Nước Pháp bảo hộ mình, cho nên cờ tam tài leo lên trước, cờ Việt Nam leo lên sau. Sáng thứ hai nào đặc biệt, như có thanh tra tới, hoặc vào dịp sau khi nghỉ lễ, tết, trước khi chia tay nghỉ hè, chúng tôi còn đứng thật trang nghiêm, miệng hát bài suy tôn Thống chế Pétain :

« Maréchal, nous voilà, devant toi le sauveur de la France... »

(« Thống chế ơi, chúng tôi đến trước mặt Ngài, người là vị cứu tinh của nước Pháp ! »)

Sau đây chúng tôi mới hát bài « Marseillaise » nhưng với lời Việt. Đến nay, năm tháng trôi qua, tôi chỉ còn nhớ điệp khúc (theo điệu « Aux armes, citoyens... ») :

« Khắp chốn, Bắc Trung cùng Nam

Việt Nam, Việt Nam,

Ngày vui khai hoàn

Nhớ ơn công đức Cao Hoàng”.

Than ôi, số kiếp người Việt, mình vừa quá tuổi 80, mà hát không biết bao là thứ không phải mình chọn !

Đ.T.H.

Paris 2018 06 28

Xin nhắc : hình ảnh gia đình chúng tôi, ai muốn sử dụng, xin vui lòng ghi rõ xuất xứ.